TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 246/2023/DS-ST
Ngày 23-11-2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chánh.

Ông Nguyễn Minh Trọn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Ông Huỳnh Văn Kil - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2022 về việc *"tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5392023/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1969.

Cư trú tại: Khóm X, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

- *Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị S*: Ông Hồ Văn K, sinh năm 1983, trú tại: Khóm 8, thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau là người đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền ngày 09 tháng 11 năm 2023) (có mặt).

- *Bị đơn*:

1. Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1960 (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Hằng N, sinh năm 1984 (có mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh C ..

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Tấn L*: Ông Nguyễn Hải D, là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyên lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1975 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 3 năm 2022 của bà Nguyễn Thị S và và tại phiên tòa ông Hồ Văn K đại diện cho bà Nguyễn Thị S trình bày: Bà S có ký hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm với ông Nguyễn Tấn L và bà Nguyễn Hằng N. Bà S ký hợp đồng với ông L và bà N nhưng khi bán thức ăn thì bà S bán trực tiếp cho bà N và ông Nguyễn Văn D. Trong quá trình mua bán đến ngày 12 tháng 11 năm 2021 hai bên chốt công nợ thì ông L, bà N, ông D còn nợ bà S 536.087.000 đồng. Ông K đại diện cho bà S yêu cầu ông L, bà N, ông D trả cho bà S số tiền còn nợ 536.087.000 đồng.

- Tại biên bản hòa giải ngày 10 tháng 8 năm 2022 và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Hằng N trình bày: Bà thừa nhận bà và ông Nguyễn Tấn L có ký hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm với bà Nguyễn Thị S. Trong quá trình mua thức ăn của bà S bà, ông L, ông D còn nợ bà S số tiền 536.087.000 đồng, bà có ký tên vào phiếu bán hàng. Bà S yêu cầu bà, ông L, ông D trả số tiền 536.087.000 đồng, bà không đồng ý vì trong quá trình mua bán thức ăn bà S có hứa sẽ chiết khấu tiền thức ăn 01 kg 6.000 đồng, nhưng bà S chỉ chiết khấu 01 kg thức ăn chỉ 3.000 đồng và 4.000 đồng. Bà yêu cầu bà S chiết khấu tiền thức ăn mỗi ký 6.000 đồng đúng như bà S đã hứa thì bà sẽ trả tiền còn nợ cho bà S.

- Tại biên bản ghi lời khai ngày 13 tháng 02 năm 2023 bị đơn ông Nguyễn Tấn L trình bày: Ông thừa nhận có ký hợp đồng mua bán thức ăn với bà S do ông Nguyễn Văn D là con rể ông kêu ông ký hợp đồng với bà S để ông D giao dịch mua bán thuốc thức ăn với bà S, ông D hứa ký hợp đồng với bà S ông D cho ông 1.000.000 đồng, nhưng ký xong ông D cho ông 200.000 đồng. Ông D giao dịch mua bán thức ăn với bà S thì ông D trả tiền cho bà S, ông không biết, ông không có tiền trả cho bà S.

- Tại biên bản hòa giải ngày 06 tháng 5 năm 2022 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn D trình bày: Ông thừa nhận cha vợ ông là ông Nguyễn Tấn L và vợ ông là bà Nguyễn Hằng N có ký hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm với bà Nguyễn Thị S. Hợp đồng ký giữa ông L, bà N với bà Nguyễn Thị S nhưng thực tế ông và vợ ông là bà Nguyễn Hằng N là người trực tiếp mua thức ăn của bà S vì ông L bị bệnh không có nuôi tôm nên không có mua thức ăn của bà S. Trong quá trình mua thức ăn của bà S ông còn nợ lại bà S số tiền 536.087.000 đồng, ông có ký tên vào phiếu bán hàng. Bà S yêu cầu ông, ông L, bà N trả số tiền 536.087.000 đồng, ông không đồng ý vì trong quá trình mua bán thức ăn bà S có hứa sẽ chiết khấu tiền thức ăn

cho ông mỗi 1 kg 6.000 đồng, nhưng bà S chỉ chiết khấu cho ông mỗi kg thức ăn chỉ 3.000 đồng và 4.000 đồng. Ông yêu cầu bà S chiết khấu tiền thức ăn cho ông đúng như thỏa thuận ông sẽ trả tiền cho bà S.

- Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Tấn L trình bày: Hợp đồng mua bán giữa bà S với ông L ký kết vào ngày 21 thán 5 nặm 2021, trong khi đó ngày 03 tháng 7 năm 2014 ông L có quyết định là người khuyết tật nặng nên khi ký kết hợp đồng với bà S ông L bị hạn chế nhận thức. Ông D, bà N là người trực tiếp mua thuốc và thức ăn của bà S, ông L không có mua thuốc và thức ăn của bà S. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố hợp đồng mua bán thức ăn giữa bà S với ông L, bà N vô hiệu. Ông Nguyễn Tấn L không có nghĩa vụ trả nợ cho bà S, nghĩa vụ trả nợ cho bà S là của ông D và bà N

- Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Tấn L, bà Nguyễn Hằng N, ông Nguyễn Văn D trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền 536.087.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị S khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Tấn L, bà Nguyễn Hằng N và ông Nguyễn Văn D trả tiền mua thuốc và thức ăn nuôi thủy sản. Do đó, đây là tranh chấp dân sự về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"*nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Tấn L là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Tấn L.

[3] Tại phiên tòa ông Hồ Văn K đại diện bà S cho rằng bà S có ký hợp đồng mua bán thức ăn với ông Nguyễn Tấn L và bà Nguyễn Hằng N, trong quá trình thực hiện hợp đồng thì bà S bán thuốc và thức ăn trực tiếp cho ông D, bà N; ông D bà N còn nợ bà S số tiền 536.087.000 đồng nên ông đại diện bà S yêu cầu ông L, bà N, ông D trả số tiền 563.087.000 đồng. Bà N cho rằng ông Nguyễn Tấn L bị bệnh tâm thần không có khả năng nhận thức hành vi nên không có nghĩa vụ trả tiền cho bà S. Xét thấy bà N có cung cấp giấy xác nhận khuyết tật và quyết định trợ cấp xã hội của ông Nguyễn Tấn L là không đủ cơ sở xác định ông Nguyễn Tấn L mất năng lực hành vi dân sự, tại phiên tòa ngày ngày 29 tháng 9 năm 2023 bà N yêu cầu giám định pháp y về tâm thần đối với ông Nguyễn Tấn L, Tòa án đã tạm ngừng phiên phiên tòa và lập biên bản yêu cầu bà N trong thời hạn mươi lăm ngày phải nộp đơn yêu cầu giám định pháp y về tâm thần đối với ông Nguyễn Tấn L nhưng bà N không

thực hiện. Do đó, không có cơ sở kết luận ông Nguyễn Tấn L mất năng lực hành vi dân sự và ông L phải chịu trách nhiệm đối với hợp đồng mua bán đã ký với bà S.

[4]. Ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Hằng N cho rằng trong quá trình thực hiện hợp đồng mua bán thuốc và thức ăn bà S có thỏa thuận chiết khấu thức ăn mỗi kg 6.000 đồng nhưng ông D, bà N không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình và bà S không thừa nhận lời trình bày của ông D, bà N; tại hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm thẻ được ký kết ngày 21 tháng 05 năm 2021 giữa bà Nguyễn Thị S với ông Nguyễn Tấn L, bà Nguyễn Hằng Ni không thể việc bà S sẽ chiết khấu tiền mua thức ăn như ông D, bà N trình bày nên lời trình bày của ông D, bà N là không có cơ sở chấp nhận. Hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm thẻ được ký kết ngày 21 tháng 05 năm 2021 giữa bà Nguyễn Thị S với ông Nguyễn Tấn L, bà Nguyễn Hằng Ni, sau khi ký kết hợp đồng thì ông D, bà N là người trực tiếp mua thuốc và thức ăn của bà S; ông D, bà N thừa nhận trong quá trình mua thuốc và thức ăn của bà S còn nợ số tiền 536.087.000 đồng nên bà S yêu cầu ông Nguyễn Tấn L, bà Nguyễn Hằng N và ông Nguyễn Văn D trả số tiền 536.087.000 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Từ phân tích trên nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sởn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Tấn L đề nghị tuyên bố hợp đồng mua bán giữa bà nguyễn Thị S với ông Nguyễn Tấn L, bà Nguyễn Hằng N vô hiệu là không có cơ sở không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của bà Nguyên Thị S được chấp nhận nên bà S không phải chịu án phí, bà S đã nộp tạm ứng án phí số tiền 12.722.000 đồng được nhận lại. Ông L, bà N, ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 25.443.480.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S. Buộc ông Nguyễn Tấn L, bà Nguyễn Hằng N và ông Nguyễn Văn D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền 536.087.000 đồng (năm trăm ba mươi sáu triệu không trăm tám mươi bảy ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Đợi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị S không phải chịu án phí, bà S đã nộp tiền tạm ứng án phí là 12.722.000 đồng (mười hai triệu bảy trăm hai mươi hai ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0017711 ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, bà S được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc ông Nguyễn Tấn L, bà Nguyễn Hằng N và ông Nguyễn Văn D có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 25.443.480 đồng (hai mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi ba ngàn bốn trăm tám mươi đồng).

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Tấn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Việt Triều